

## **Công ty Cổ phần Thép Pomina**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Thép Pomina

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Phê duyệt của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 50

# Công ty Cổ phần Thép Pomina

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thép Pomina và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700321364 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2008. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 3 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là POM theo Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất sắt, thép, gang; tái chế phế liệu kim loại và kinh doanh các sản phẩm từ thép.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1, Đường số 27, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh Nhà máy Thép Pomina 1 được đặt tại Số 2, Đường số 27, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương ("Chi nhánh POM 1") và chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi Thép được đặt tại Đường số 9, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam ("Chi nhánh POM 3").

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Duy Thái	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023 đến ngày 10 tháng 2 năm 2023
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Phó Chủ tịch Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023 miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023
Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên Phó Chủ tịch	từ ngày 10 tháng 3 năm 2023 miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Thành viên	
Ông Đỗ Xuân Chiểu	Thành viên	
Bà Võ Thị Thu Hiền	Thành viên độc lập	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tô Tử	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc Công ty	bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 3	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2023
Ông Đỗ Văn Khánh	Tổng Giám đốc Công ty	miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023
	Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 3	miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2023
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 1	

# Công ty Cổ phần Thép Pomina

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 9 tháng 2 năm 2023 là Ông Đỗ Văn Khánh và từ ngày 10 tháng 2 năm 2023 đến ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Sĩ.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thép Pomina

## PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

## PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Đỗ Duy Thái  
Chủ tịch

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 13 tháng 10 năm 2023

Số tham chiếu: 11728381/E-66925316-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thép Pomina**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Pomina (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 13 tháng 10 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 2.2* của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 504.894.129.988 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 758.089.775.075 VND, và cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.376.962.171.655 VND. Ngoài ra, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty có một số khoản nợ vay đã quá hạn với số tiền là 2.200.086.517.067 VND như được trình bày tại *Thuyết minh số 18* và một số khoản phải trả người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán với số tiền là 922.206.584.574 VND như được trình bày tại *Thuyết minh số 14.1*. Các điều kiện này, cùng với các vấn đề khác được trình bày tại *Thuyết minh số 2.2*, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 10 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.393.898.967.953</b>	<b>3.936.776.214.046</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>14.458.388.700</b>	<b>206.282.951.855</b>
111	1. Tiền		14.457.388.700	205.281.951.855
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.000.000	1.001.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.770.066.018.956</b>	<b>1.877.429.104.424</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.733.641.149.640	1.857.282.495.242
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	40.459.644.322	38.126.715.280
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.937.149.994	3.991.818.902
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(21.971.925.000)	(21.971.925.000)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>919.225.358.686</b>	<b>1.192.867.613.386</b>
141	1. Hàng tồn kho		923.043.658.027	1.235.977.350.161
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.818.299.341)	(43.109.736.775)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>690.149.201.611</b>	<b>660.196.544.381</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	11.303.529.662	17.010.385.507
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		670.722.807.643	634.832.672.768
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	8.122.864.306	8.353.486.106
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.323.232.870.246</b>	<b>7.094.841.585.160</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.533.160.743.305</b>	<b>1.621.784.456.893</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.399.492.554.708	1.485.368.084.177
222	Nguyên giá		5.133.055.118.573	5.133.055.118.573
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.733.562.563.865)	(3.647.687.034.396)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	133.534.021.941	136.259.206.061
225	Nguyên giá		139.514.545.455	139.514.545.455
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.980.523.514)	(3.255.339.394)
227	3. Tài sản cố định vô hình		134.166.656	157.166.655
228	Nguyên giá		14.636.504.484	14.636.504.484
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.502.337.828)	(14.479.337.829)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.737.763.852.822</b>	<b>5.411.193.900.190</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.737.763.852.822	5.411.193.900.190
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.1	11.402.985.380	11.402.985.380
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.1	(11.402.985.380)	(11.402.985.380)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.2	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>42.308.274.119</b>	<b>51.863.228.077</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	40.426.536.394	49.883.789.328
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.881.737.725	1.979.438.749
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>10.717.131.838.199</b>	<b>11.031.617.799.206</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

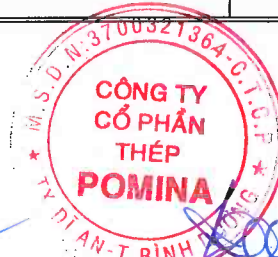
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.610.726.774.028</b>	<b>8.420.318.605.047</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.770.861.139.608</b>	<b>7.679.983.370.014</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	1.893.737.637.824	2.010.669.476.681
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	97.762.736.764	23.855.127.968
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	189.895.495	268.091.806
314	4. Phải trả người lao động		3.211.050.313	3.006.823.069
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	245.940.742.693	88.599.109.397
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	103.333.747.244	75.239.819.373
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	5.426.666.353.555	5.478.325.946.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.975.720	18.975.720
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>839.865.634.420</b>	<b>740.335.235.033</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	839.865.634.420	740.335.235.033
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.106.405.064.171</b>	<b>2.611.299.194.159</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19.1</b>	<b>2.106.405.064.171</b>	<b>2.611.299.194.159</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.796.763.360.000	2.796.763.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.796.763.360.000	2.796.763.360.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		35.000.000.000	35.000.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(31.347.567.000)	(31.347.567.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.473.564.063	251.430.066.244
421	5. Lỗ lũy kế		(758.089.775.075)	(444.683.234.367)
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(253.726.732.186)	633.700.832.452
421b	- Lỗ kỳ này		(504.363.042.889)	(1.078.384.066.819)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.605.482.183	4.136.569.282
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>10.717.131.838.199</b>	<b>11.031.617.799.206</b>




Nguyễn Thị Phương Mai  
Người lập



Nguyễn Nhật Trường  
Kế toán trưởng



  
Đỗ Tiến Sĩ  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 13 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

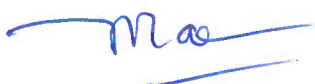
VND

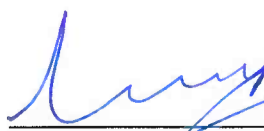
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.195.069.773.603	8.124.546.310.522
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(2.677.689.200)	(19.410.792.334)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.192.392.084.403	8.105.135.518.188
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(2.224.597.878.373)	(7.756.703.751.589)
20	5. (Lỗ) lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(32.205.793.970)	348.431.766.599
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	8.529.207.663	31.449.571.416
22	7. Chi phí tài chính	22	(293.582.433.889)	(292.894.910.454)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(287.599.810.835)	(205.549.452.310)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(4.670.021.030)	(40.043.411.271)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(78.518.409.906)	(69.257.168.390)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(400.447.451.132)	(22.314.152.100)
31	11. Thu nhập khác	24	1.523.267.557	195.490.846.837
32	12. Chi phí khác	24	(105.872.245.389)	(194.778.693.434)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(104.348.977.832)	712.153.403
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(504.796.428.964)	(21.601.998.697)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(1.857.448.889)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.1	(97.701.024)	371.926.949

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
60	17. Lỗ sau thuế TNDN		(504.894.129.988)	(23.087.520.637)
61	18. Lỗ sau thuế của cổ đông công ty mẹ		(504.363.042.889)	(22.967.744.482)
62	19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(531.087.099)	(119.776.155)
70	20. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	19.4	(1.811)	(82)
71	21. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	19.4	(1.811)	(82)

  
Nguyễn Thị Phương Mai  
Người lập

  
Nguyễn Nhật Trường  
Kế toán trưởng

  
  
Đỗ Tiến Sĩ  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 13 tháng 10 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(504.796.428.964)</b>	<b>(21.601.998.697)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	25	88.623.713.588	136.288.861.178
03	Các khoản dự phòng		-	88.190.198.453
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		28.979.371	38.633.879.628
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(51.400.715)	(4.016.849.620)
06	Chi phí lãi vay	22	287.599.810.835	205.549.452.310
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(128.595.325.885)</b>	<b>443.043.543.252</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		71.703.572.393	(149.287.022.175)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		234.791.086.145	(762.153.635.462)
11	Tăng các khoản phải trả		4.710.240.871	800.284.901.337
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		15.164.108.779	(126.819.432.465)
14	Tiền lãi vay đã trả		(149.772.689.667)	(201.510.176.048)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(26.277.532.605)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>48.000.992.636</b>	<b>(22.719.354.166)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(287.718.784.077)	(488.521.405.884)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	139.514.545.455
27	Tiền thu lãi tiền gửi		51.400.715	4.016.849.620
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(287.667.383.362)</b>	<b>(344.990.010.809)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	2.791.809.659.617	8.890.353.421.365
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(2.739.272.090.911)	(8.396.050.912.485)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	18	(4.666.761.764)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>47.870.806.942</b>	<b>494.302.508.880</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thép Pomina và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700321364 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2008. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 3 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là POM theo Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất sắt, thép, gang; tái chế phế liệu kim loại, và kinh doanh các sản phẩm từ thép.

Công ty có trụ sở chính tại Số 1, Đường số 27, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh Nhà máy Thép Pomina 1 được đặt tại Số 2, Đường số 27 Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương ("Chi nhánh POM 1") và chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi Thép được đặt tại Đường số 9, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam ("Chi nhánh POM 3").

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 891 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.209 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty có hai (2) công ty con. Chi tiết trình bày như sau:

STT	Công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	
				Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
1	Công ty Cổ phần Thép Pomina 2 ("Công ty POM 2")	Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất sắt, thép, gang	99.5	99.5
2	Công ty TNHH Một thành viên Thép Pomina 1 (*)	Số 2, Đường 27, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất sắt, thép, gang	100	100

(\*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty TNHH Một thành viên Thép Pomina 1 đang trong quá trình giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng Việt Nam Đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Giả định hoạt động liên tục

Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 504.894.129.988 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 758.089.775.075 VND, và cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.376.962.171.655 VND. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc nguồn vốn lưu động bị âm như trên chủ yếu do việc triển khai Dự án Lò Cao xảy ra trùng với thời điểm dịch bệnh Covid nên bị kéo dài hơn so với kế hoạch. Ngoài ra, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty có một số khoản nợ vay đã quá hạn với số tiền là 2.200.086.517.067 VND (*Thuyết minh số 18*) và một số khoản phải trả người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán với số tiền là 922.206.584.574 VND (*Thuyết minh số 14.1*). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng tiếp tục tạo ra dòng tiền từ hoạt động trong tương lai và sự tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính từ các ngân hàng và nhà đầu tư chiến lược.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã lập kế hoạch kinh doanh và dòng tiền cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ dựa trên một số giả định chính như sau:

(i) Kế hoạch hoạt động của Nhà máy Luyện Phôi Thép:

Nhóm Công ty dự kiến khôi phục sản xuất của Lò Điện từ Quý 4 năm 2023. Ngoài ra, việc Lò Cao dự kiến đi vào hoạt động chính thức vào Quý 2 năm 2024 cũng sẽ giúp cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền của Nhóm Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các thủ tục cần thiết để thực hiện kế hoạch hoạt động này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Giả định hoạt động liên tục (tiếp theo)**

(ii) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Nhóm Công ty đã thông qua Nghị quyết số 17/NQ-ĐHCĐ/2023 về kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ với tổng giá trị dự kiến là 701.753.430.000 VND cho nhà đầu tư chiến lược. Kế hoạch tăng vốn này dự kiến sẽ được thực hiện từ Quý 3 năm 2023 đến hết năm 2024 theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHCĐ/2023 ngày 6 tháng 10 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông của Nhóm Công ty.

(iii) Tái cấu trúc và gia hạn thời hạn thanh toán các khoản nợ vay:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng số nợ vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng tới của Nhóm Công ty là 5.426.666.353.555 VND là (*Thuyết minh số 18*), trong đó một phần các khoản vay này đã bị quá hạn thanh toán. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty đã được các ngân hàng đồng ý gia hạn lịch trả nợ cho một số khoản vay đã quá hạn thanh toán với số tiền là 1.121.399.876.289 VND. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, số dư các khoản nợ vay đã quá hạn của Nhóm Công ty là 2.200.086.517.067 VND (*Thuyết minh số 18*). Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các ngân hàng để gia hạn cho các khoản vay nói trên. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm Công ty sẽ đạt được các thỏa thuận đồng ý gia hạn lịch trả nợ tương tự từ các ngân hàng.

(iv) Gia hạn thời hạn thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng số các khoản phải trả người bán ngắn hạn của Nhóm Công ty là 1.893.737.637.824 VND (*Thuyết minh số 14.1*), trong đó một phần các khoản phải trả này đã bị quá hạn thanh toán. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn đã bị quá hạn thanh toán của Nhóm Công ty là 922.206.584.574 VND (*Thuyết minh số 14.1*). Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các nhà cung cấp để gia hạn thời gian thanh toán cho các khoản phải trả nói trên. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm Công ty sẽ đạt được các thỏa thuận đồng ý gia hạn thanh toán với các nhà cung cấp.

Dựa trên các thông tin phù hợp, không bị giới hạn trong các giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Nhóm Công ty sẽ có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể dự đoán được. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty trong trường hợp Nhóm Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.6 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Khác	6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Lợi thế kinh doanh; và
- ▶ Chi phí sửa chữa.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua thì khoản chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.11 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.12 *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.17 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất sắt, thép, gang; tái chế phế liệu kim loại và kinh doanh các sản phẩm từ thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	6.025.196.286	3.815.893.022
Tiền gửi ngân hàng	8.432.192.414	201.466.058.833
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	1.000.000	1.001.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.458.388.700</b>	<b>206.282.951.855</b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc không quá một (1) tháng và được hưởng lãi suất là 3,25%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,25%/năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ khách hàng	168.989.559.887	201.314.039.228
- Công ty TNHH Chip Mong Group	86.100.638.972	86.162.921.988
- Công ty TNHH Lim Hok Chhourn Steel	22.019.636.254	68.111.473.127
- Công ty Cổ phần Nippon Sanso Việt Nam	11.882.942.385	11.882.942.385
- Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai Trường Hải	22.772.544.991	-
- Các khách hàng khác	26.213.797.285	35.156.701.728
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.564.651.589.753	1.655.968.456.014
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.733.641.149.640</u></b>	<b><u>1.857.282.495.242</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 18).

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Asian Pacific Ecology Trade Co., Ltd	21.971.925.000	21.971.925.000
Công ty Cổ phần CMA-CGM Việt Nam	4.437.785.883	4.437.785.883
Các nhà cung cấp khác	14.049.933.439	11.717.004.397
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>40.459.644.322</u></b>	<b><u>38.126.715.280</u></b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(21.971.925.000)	(21.971.925.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>18.487.719.322</u></b>	<b><u>16.154.790.280</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	21.971.925.000	21.971.925.000
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>21.971.925.000</u>	<u>21.971.925.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ký quỹ, ký cược (i)	13.530.577.731	1.697.617.463
Tạm ứng	2.229.257.482	1.338.103.110
Phải thu khác	2.177.314.781	956.098.329
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.937.149.994</b>	<b>3.991.818.902</b>

(i) Các khoản cầm cố, ký quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nguyên liệu, vật liệu	726.528.832.978	763.592.421.430
Thành phẩm	89.935.688.919	342.113.847.134
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.455.977.040	82.376.205.578
Công cụ, dụng cụ	45.880.890.280	47.627.511.864
Phế liệu	242.268.810	267.364.155
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>923.043.658.027</b>	<b>1.235.977.350.161</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.818.299.341)	(43.109.736.775)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>919.225.358.686</b>	<b>1.192.867.613.386</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 18).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	43.109.736.775	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	43.109.736.775
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(39.291.437.434)	-
Số cuối kỳ	<b>3.818.299.341</b>	<b>43.109.736.775</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	VND
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.046.829.063.089	3.891.014.330.737	174.869.812.515	13.287.838.045	7.054.074.187	5.133.055.118.573
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	135.613.210.102	1.460.672.709.809	113.064.320.581	10.913.378.068	7.054.074.187	1.727.317.692.747
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	592.383.535.118	2.897.863.679.615	137.881.424.518	12.504.320.958	7.054.074.187	3.647.687.034.396
Khấu hao trong kỳ	19.444.054.959	63.141.851.408	3.131.320.312	158.302.790	-	85.875.529.469
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	611.827.590.077	2.961.005.531.023	141.012.744.830	12.662.623.748	7.054.074.187	3.733.562.563.865
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	454.445.527.971	993.150.651.122	36.988.387.997	783.517.087	-	1.485.368.084.177
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	435.001.473.012	930.008.799.714	33.857.067.685	625.214.297	-	1.399.492.554.708

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>VND</i>
	<i>Máy móc, thiết bị</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>139.514.545.455</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.255.339.394
Khấu hao trong kỳ	<u>2.725.184.120</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>5.980.523.514</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>136.259.206.061</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>133.534.021.941</u>

Nhóm Công ty thuê máy móc thiết bị hiện đang vận hành trong dây chuyền sản xuất. Theo hợp đồng thuê tài chính ký ngày 27 tháng 4 năm 2022, Nhóm Công ty có thể mua lại máy móc thiết bị khi thời gian thuê hết hạn vào ngày 27 tháng 4 năm 2027. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 18.4*.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Chi phí xây dựng Dự án Lò Cao (*)	<u>5.737.763.852.822</u>	<u>5.411.193.900.190</u>

(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí xây dựng trực tiếp, chi phí đi vay được vốn hóa và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng nhà máy Luyện Phôi Thép công suất 1 triệu tấn/ năm tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Dự án Lò Cao").

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị 38.851.168.555 VND (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 33.978.289.277 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay trực tiếp cho mục đích đầu tư và xây dựng Dự án Lò Cao.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, toàn bộ giá trị hình thành từ Dự án Lò Cao được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 18*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**12.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	11.402.985.380	(11.402.985.380)	-	11.402.985.380	(11.402.985.380)	-

**12.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đây là các khoản đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (ICB) có kỳ hạn mười (10) năm, đáo hạn ngày 24 tháng 9 năm 2030 và được hưởng lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.303.529.662</b>	<b>17.010.385.507</b>
Công cụ dụng cụ	9.461.778.752	16.220.588.066
Chi phí sửa chữa	771.408.456	761.315.341
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.070.342.454	28.482.100
<b>Dài hạn</b>	<b>40.426.536.394</b>	<b>49.883.789.328</b>
Lợi thế kinh doanh (i)	19.253.571.788	22.004.082.032
Chi phí thuê đất (ii)	9.866.872.936	10.217.191.599
Chi phí sửa chữa	5.855.657.296	8.225.499.853
Công cụ dụng cụ	5.450.434.374	9.437.015.844
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.730.066.056</b>	<b>66.894.174.835</b>

(i) Lợi thế kinh doanh được xác định trong quá trình chuyển đổi hình thức của Công ty từ trách nhiệm hữu hạn sang cổ phần với giá trị ban đầu là 125.339.707.447 VND. Lợi thế kinh doanh được phân bổ đến năm 2026 theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 3/13001/BB-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2012.

(ii) Chi phí thuê đất đã được dùng để đảm bảo các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 18).

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho người bán	1.854.615.354.223	1.971.403.702.549
- Công ty Cổ phần Thép Nam Sơn	502.805.483.760	508.905.705.460
- China machinery Industry International	177.038.404.396	6.475.292.287
- Công ty TNHH Thép Nansei	83.204.813.510	136.544.601.050
- Công ty Cổ phần Logistics Vinacorp	60.352.958.312	72.330.306.512
- Công ty TNHH MTV Bảo Ngọc Thụ	58.142.371.174	82.896.262.874
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trung Việt	51.174.787.180	54.893.876.529
- Công ty Cổ phần Nippon Sanso Việt Nam	43.292.893.795	43.232.112.933
- Vesvius Malaysia Sdn Bhd	35.594.024.057	56.890.308.395
- Phải trả đối tượng khác	843.009.618.039	1.009.235.236.509
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	39.122.283.601	39.265.774.132
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.893.737.637.824</b>	<b>2.010.669.476.681</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng số các khoản phải trả người bán ngắn hạn của Nhóm Công ty là 1.893.737.637.824 VND, trong đó một phần các khoản phải trả này đã bị quá hạn thanh toán. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn đã bị quá hạn thanh toán của Nhóm Công ty là 922.206.584.574 VND. Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các nhà cung cấp để gia hạn thời gian thanh toán cho các khoản phải trả nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Người mua trả tiền trước	29.625.736.764	23.855.127.968
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh</i>	14.797.931.400	14.797.931.400
<i>Công ty Cổ phần Thành Đại Phú Mỹ</i>	6.285.291.314	4.125.291.314
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC</i>	4.352.231.120	4.352.231.120
<i>Khác</i>	4.190.282.930	579.674.134
Bên liên quan trả tiền trước ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	68.137.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.762.736.764</b>	<b>23.855.127.968</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Phải thu</b>				
Thuế				
GTGT	634.832.672.768	298.209.674.363	(262.319.539.488)	670.722.807.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.951.985.092	-	-	5.951.985.092
Thuế thu nhập cá nhân	1.951.124.469	-	(386.072.037)	1.565.052.432
Thuế tiêu thụ đặc biệt	424.636.576	-	-	424.636.576
Thuế xuất, nhập khẩu	-	999.064.885	(916.549.634)	82.515.251
Các loại thuế khác	25.739.969	72.934.986	-	98.674.955
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>643.186.158.874</b>	<b>299.281.674.234</b>	<b>(263.622.161.159)</b>	<b>678.845.671.949</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	207.075.031	403.735.939	(481.932.250)	128.878.720
Thuế xuất, nhập khẩu	57.706.953	-	-	57.706.953
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.309.822	-	-	3.309.822
Thuế GTGT	-	180.807.592.037	(180.807.592.037)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>268.091.806</b>	<b>181.214.327.976</b>	<b>(181.292.524.287)</b>	<b>189.895.495</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí lãi vay trích trước	206.973.842.835	69.146.721.667
Chi phí lãi trả chậm thanh toán cho nhà cung cấp	13.699.599.675	-
Chi phí nguyên vật liệu	13.329.776.722	16.908.759.033
Chi phí thuê đất trích trước	7.539.453.048	-
Các khoản trích trước khác	4.398.070.413	2.543.628.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>245.940.742.693</u></b>	<b><u>88.599.109.397</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả tiền mượn góp vốn từ Công ty Tôn Pomina	38.663.803.945	38.663.803.945
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	36.140.859.919	11.289.133.419
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	13.938.034.072	9.725.005.765
Phải trả tiền hợp tác đầu tư	6.123.530.035	6.123.530.035
Kinh phí cộng đoàn	4.714.399.853	4.332.242.619
Khác	3.753.119.420	5.106.103.590
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>103.333.747.244</u></b>	<b><u>75.239.819.373</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Trong kỳ			VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ			Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.478.325.946.000</b>	<b>2.791.809.659.617</b>	<b>(2.743.938.852.675)</b>	<b>5.426.666.353.555</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	5.272.704.642.076	2.491.809.659.617	(2.723.984.738.453)	5.040.529.563.240
Vay tổ chức khác (Thuyết minh số 18.2)	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 18.3)	175.287.352.458	-	(15.287.352.458)	80.020.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.4)	30.333.951.466	-	(4.666.761.764)	6.116.790.315
<b>Dài hạn</b>	<b>740.335.235.033</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>839.865.634.420</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.3)	520.000.000.000	-	-	599.980.000.000
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 18.4)	93.335.235.033	-	-	112.885.634.420
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 27)	127.000.000.000	-	-	127.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.218.661.181.033</b>	<b>2.791.809.659.617</b>	<b>(2.743.938.852.675)</b>	<b>6.266.531.987.975</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 8, 9, 11, 13)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam</b>				
Khoản vay 1	1.574.283.838.679	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2023 đến ngày 8 tháng 3 năm 2024	9,0 - 9,3	(i) Hàng hóa luân chuyển phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Chi nhánh POM 3;
Khoản vay 2	994.817.868.813	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2023 đến ngày 1 tháng 1 năm 2024	8,0 - 9,3	(ii) Hàng hóa luân chuyển, các quyền đòi nợ của Công ty POM 2 tại kho sản xuất ở địa chỉ Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
Khoản vay 3	71.608.982.777	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2023 đến ngày 5 tháng 3 năm 2024	9,5	(iii) Các quyền tài sản phát sinh từ các khoản phải thu, các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán của Chi nhánh POM 1 và Chi nhánh POM 3; (iv) Toàn bộ máy móc thiết bị và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai liên quan đến Dự án "Đầu tư tiếp các khâu thương nguồn của dây chuyền luyện kim loại tại Chi nhánh POM 3 và liên quan đến Dự án Lò Cao (iv) 40.000.000 cổ phiếu POM do Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt ("Công ty Thép Việt") sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 8, 9, 11, 13)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam</b>				
Khoản vay 1	906.911.593.520	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2023 đến ngày 20 tháng 9 năm 2024	7,3 - 10,6	(i) Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại Lô M, Khu Công nghiệp Sông Thần, Thị xã Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Khoản vay 2	660.023.634.445	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 19 tháng 3 năm 2024	6,8 - 9,8	(ii) Máy móc, thiết bị dàn cán, nhà xưởng 1 của Công ty
Khoản vay 3	22.832.751.818	Từ ngày 24 tháng 2 năm 2023 đến ngày 29 tháng 4 năm 2023	8,1	(iii) Quyền sở hữu phần vốn góp và các quyền tài sản khác liên quan đến toàn bộ phần vốn góp của Công ty vào Công ty POM 2
Khoản vay 4	14.518.421.889	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 đến ngày 29 tháng 3 năm 2024	9,1 - 9,6	(iv) Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh và toàn bộ vốn góp của Công ty POM 2, tại kho sản xuất ở địa chỉ Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (v) Quyền sử dụng đất thuê, nhà xưởng sản xuất. Máy móc thiết bị của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 8, 9, 11, 13)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam</b>				
Khoản vay 1	398.913.222.552	Từ ngày 12 tháng 12 năm 2022 đến ngày 21 tháng 4 năm 2023	8,5 - 9,2	(i) Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại Đường số 27, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Tỉnh Bình Dương;
Khoản vay 2	64.998.702.447	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2024 đến ngày 12 tháng 2 năm 2024	7,8 - 8,8	(ii) Máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng Thế chấp tài sản số 139TC19 và 048TC17;
Khoản vay 3	24.828.190.704	Từ ngày 28 tháng 3 năm 2023 đến ngày 25 tháng 4 năm 2023	6,0 - 8,5	(iii) Tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại; (iv) Hàng hóa luân chuyển trong quá trình kinh doanh; (v) 20.000.000 cổ phiếu POM do Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt ("Công ty Thép Việt") sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 8, 9, 11, 13)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh</b>				
Khoản vay 1	191.988.000.000	Từ ngày 10 tháng 11 năm 2023 đến ngày 15 tháng 11 năm 2023	12,9	(i) Nguồn thu hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu; (ii) Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông</b>				
Khoản vay 1	89.460.942.114	Ngày 25 tháng 12 năm 2023	11,7 - 13,8	Tín chấp
Khoản vay 2	25.343.413.482	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2024 đến ngày 20 tháng 2 năm 2024	12,7 - 13,2	12.000.000 cổ phiếu POM do Công ty Thép Việt sở hữu
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.040.529.563.240</b>			

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một phần các khoản vay nói trên đã bị quá hạn. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty đã được các ngân hàng đồng ý gia hạn trả nợ cho một số khoản vay đã quá hạn với số tiền là 1.121.399.876.289 VND.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, số dư các khoản nợ vay đã quá hạn của Nhóm Công ty là 2.200.086.517.067 VND. Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các ngân hàng thương mại để gia hạn cho các khoản vay nói trên.

## Công ty Cổ phần Thép Pomina

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 18.2 Vay từ các đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay từ các đối tượng khác được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 8, 9, 11, 13)
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh</b>				
Khoản vay	<u>300.000.000.000</u>	Ngày 15 tháng 10 năm 2023	12 (i)	66.666.667 cổ phần của Pomina và toàn bộ quyền, lợi tức và lợi ích phát sinh từ tài sản bảo đảm
			(ii)	Toàn bộ quyền, lợi tức và lợi ích bao gồm: quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hay bằng cổ phiếu và/hoặc bằng tài sản khác, quyền được mua cổ phiếu phát hành thêm với giá ưu đãi, phần giá trị tăng thêm và bất kỳ các quyền, lợi ích khác phát sinh từ tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**18.3 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích thanh toán các chi phí của Dự án Lò Cao của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 8, 9, 11, 13)
-----------	-----------------------------------	--------------	---------------------	---

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam**

Khoản vay 1	<u>680.000.000.000</u>	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2023 đến ngày 25 tháng 3 năm 2030	9,6	(i) Toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty được dùng để phát hành bảo lãnh, mở thư tín dụng, thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư Dự án Lò Cao; (ii) Toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Lò Cao.
-------------	------------------------	---	-----	--

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	80.020.000.000
Vay dài hạn	599.980.000.000

**Công ty Cổ phần Thép Pomina**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18.4 Nợ thuế tài chính**

Công ty hiện đang thuế máy móc, thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>9.500.886.205</b>	<b>3.384.095.890</b>	<b>6.116.790.315</b>	<b>45.844.120.825</b>	<b>15.510.169.359</b>	<b>30.333.951.466</b>
Từ 1 năm trở xuống	9.500.886.205	3.384.095.890	6.116.790.315	45.844.120.825	15.510.169.359	30.333.951.466
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>134.765.366.514</b>	<b>21.879.732.094</b>	<b>112.885.634.420</b>	<b>112.494.659.918</b>	<b>19.159.424.885</b>	<b>93.335.235.033</b>
Trên 1-5 năm	134.765.366.514	21.879.732.094	112.885.634.420	112.494.659.918	19.159.424.885	93.335.235.033
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.266.252.719</b>	<b>25.263.827.984</b>	<b>119.002.424.735</b>	<b>158.338.780.743</b>	<b>34.669.594.244</b>	<b>123.669.186.499</b>

VND



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
							VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.796.763.360.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	251.430.066.244	633.700.832.452	7.374.264.160	3.692.920.955.856
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(22.967.744.482)	(119.776.155)	(23.087.520.637)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	2.796.763.360.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	251.430.066.244	610.733.087.970	7.254.488.005	3.669.833.435.219
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.796.763.360.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	251.430.066.244	(444.683.234.367)	4.136.569.282	2.611.299.194.159
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(504.363.042.889)	(531.087.099)	(504.894.129.988)
Chuyển từ quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	(190.956.502.181)	190.956.502.181	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.796.763.360.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	60.473.564.063	(758.089.775.075)	3.605.482.183	2.106.405.064.171

(\*) Trong kỳ, theo Nghị quyết số 12/QĐ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Pomina 2 ("Công ty POM 2") đã thông nhất thông qua việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 190.956.502.181 VND để kết chuyển vào lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức**

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>2.796.763.360.000</u>	<u>2.796.763.360.000</u>

**19.3 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>279.676.336</b>	<b>279.676.336</b>
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	279.676.336	279.676.336
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>(1.132.790)</b>	<b>(1.132.790)</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.132.790)	(1.132.790)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>278.543.546</b>	<b>278.543.546</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	278.543.546	278.543.546

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**19.4 Lỗ trên cổ phiếu**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(504.363.042.889)	(22.967.744.482)
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu để tính lãi (lỗ) trên cổ phiếu (cổ phiếu)	278.543.546	(119.776.155)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(1.811)	(82)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	(1.811)	(82)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.195.069.773.603</b>	<b>8.124.546.310.522</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.456.681.790.956	7.885.939.966.204
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	598.154.365.854	207.801.946.700
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	118.567.374.873	21.313.188.868
<i>Doanh thu khác</i>	21.666.241.920	9.491.208.750
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(2.677.689.200)</b>	<b>(19.410.792.334)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(2.677.689.200)	(365.080.325)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(16.606.790.718)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(2.438.921.291)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>2.192.392.084.403</u></b>	<b><u>8.105.135.518.188</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan   (Thuyết minh số 27)</i>	667.141.624.160	3.818.574.900.410
<i>Doanh thu từ các bên khác</i>	1.525.250.460.243	4.286.560.617.778

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.477.806.948	27.082.721.796
Lãi tiền gửi	51.400.715	4.016.849.620
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	350.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.529.207.663</u></b>	<b><u>31.449.571.416</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn của thành phẩm	1.489.234.873.103	7.439.078.043.882
Giá vốn bán hàng hóa	616.881.955.673	283.911.808.000
Giá vốn phế liệu đã bán	107.642.438.255	18.050.755.698
Giá vốn khác	10.838.611.342	9.173.414.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	6.489.729.553
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.224.597.878.373</u></b>	<b><u>7.756.703.751.589</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	287.599.810.835	205.549.452.310
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.982.623.054	87.345.458.144
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>293.582.433.889</u></b>	<b><u>292.894.910.454</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.670.021.030</b>	<b>40.043.411.271</b>
Chi phí vận chuyển	2.061.704.220	1.195.339.326
Chi phí nhân viên	1.062.103.279	8.721.714.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	926.216.041	9.163.237.231
Chi phí công cụ dụng cụ	-	6.572.159.128
Chi phí khấu hao và hao mòn	-	142.360.140
Khác	619.997.490	14.248.600.668
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>78.518.409.906</b>	<b>69.257.168.390</b>
Chi phí nhân viên	46.866.165.197	39.232.147.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.074.388.905	12.338.948.236
Chi phí công cụ dụng cụ	2.611.543.648	3.109.756.887
Chi phí khấu hao	2.524.727.992	1.605.557.997
Khác	4.441.584.164	12.970.758.103
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>83.188.430.936</u></b>	<b><u>109.300.579.661</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.523.267.557</b>	<b>195.490.846.837</b>
Tiền phạt thu được	950.250.304	3.747.181.827
Thuê mặt bằng và thuê xe	287.324.560	5.627.201.036
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuê tài chính	-	186.103.000.000
Các khoản khác	285.692.693	13.463.974
<b>Chi phí khác</b>	<b>105.872.245.389</b>	<b>194.778.693.434</b>
Chi phí khấu hao do không hoạt động	58.445.695.057	-
Các khoản phạt	17.618.149.474	4.208.372.756
Chi phí phạt lãi chậm thanh toán cho nhà cung cấp	13.699.599.675	-
Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ	10.415.750.990	-
Phân bổ lợi thế thương mại	2.750.510.244	2.750.510.244
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính	2.725.184.120	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định thuê tài chính	-	186.103.000.000
Chi phí khác	217.355.829	1.716.810.434
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>(104.348.977.832)</b>	<b>712.153.403</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.064.626.331.654	7.154.636.499.456
Chi phí khấu hao và hao mòn	88.623.713.588	136.288.861.178
Chi phí nhân viên	84.178.927.212	224.528.667.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.768.615.256	156.739.085.163
Chi phí công cụ dụng cụ	30.884.696.790	-
Chi phí khác	39.702.079.318	18.244.107.297
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.351.784.363.818</b>	<b>7.690.437.220.214</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế, các Công ty con và chi nhánh được hưởng mức ưu đãi như sau:

- Chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép được hưởng các ưu đãi thuế suất thuế TNDN như sau:
  - (i) 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2012 đến năm 2026); và
  - (ii) Miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo.
- Công ty POM 2 được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 15% đối với nhà máy cán và 10% đối với thành phẩm phôi. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất phổ thông hiện hành tương ứng trên thu nhập chịu thuế thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.857.448.889
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	97.701.024	(371.926.949)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.701.024</b>	<b>1.485.521.940</b>

Dưới đây là bảng đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(504.796.428.964)</b>	<b>(21.601.998.697)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	<b>(47.641.309.387)</b>	<b>(4.505.216.143)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	38.917.006.524	6.623.209.478
Lỗ chuyển sang năm sau không ghi nhận thuế hoãn lại	14.398.826.895	959.523.194
Các khoản chi phí không được trừ	11.207.800.985	643.264.215
Hoàn nhập dự phòng	(16.812.790.473)	-
Thuế được miễn	-	(1.857.448.889)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(144.076.163)
Khác	28.166.480	(233.733.752)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>97.701.024</b>	<b>1.485.521.940</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

				VND	
		<u>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</u>	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>					
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai					
	(315.454.775)	(217.753.751)		(97.701.024)	371.926.949
Dự phòng nợ phải thu khó đòi					
	2.197.192.500	2.197.192.500		-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>					
	<b>1.881.737.725</b>	<b>1.979.438.749</b>		<b>(97.701.024)</b>	<b>371.926.949</b>
<b>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>					
				<b>(97.701.024)</b>	<b>371.926.949</b>

**26.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗi thuế chuyển sang từ các năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 918.028.716.918 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 807.867.816.709 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

				VND	
		<u>Có thể chuyển lỗi đến năm</u>		<u>Đã chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2023</u>	
Năm phát sinh	Năm	Lỗi tính thuế	-	Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
2018	2023	16.137.841.571 (*)	-	(5.503.521.805)	10.634.319.766
2019	2024	82.263.466.441 (*)	-	-	82.263.466.441
2020	2025	25.229.436.184 (*)	-	-	25.229.436.184
2021	2026	16.278.140.223 (*)	-	-	16.278.140.223
2022	2027	673.462.454.095 (*)	-	-	673.462.454.095
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
	2028	110.160.900.209 (**)	-	-	110.160.900.209
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>923.532.238.723</b>	<b>-</b>	<b>(5.503.521.805)</b>	<b>918.028.716.918</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (tiếp theo)**

(\*) Lỗi tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(\*\*) Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 918.028.716.918 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**26.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

		VND			
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn đã chuyển sang năm sau		Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
			tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	
2020	2025	(i)	148.328.565.777	-	- 148.328.565.777
2021	2026	(i)	67.288.489.565	-	- 67.288.489.565
2022	2027	(i)	396.478.457.145	-	- 396.478.457.145
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	2028	(i)	<u>289.496.421.489</u>	-	- <u>289.496.421.489</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>901.591.933.976</u></b>	<b>-</b>	<b>- <u>901.591.933.976</u></b>

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 901.591.933.976 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 612.095.512.487 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt ("Công ty Thép Việt")	Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina	Cùng chủ sở hữu
Ông Đỗ Duy Thái	Chủ tịch
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Tổng Giám đốc Chi nhánh POM kiêm Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Xuân Chiêu	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Thu Hiền	Thành viên độc lập của HĐQT
Ông Trần Tô Tử	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	Thành viên ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 3
Bà Nguyễn Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 1
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 3
Bà Đỗ Hoàn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 3
Ông Trương Thành Công	Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 3

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Thép Việt	Bán hàng	666.509.837.660	3.818.574.900.410
	Mua dịch vụ	1.479.158.526	594.109.684
	Lãi vay trích trước	1.583.150.684	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	631.786.500	-
	Vay	-	127.000.000.000
Ông Đỗ Xuân Chiêu	Vay	-	25.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được thể hiện như sau:

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i></b>			
Công ty Thép Việt	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.260.534.931.753	1.351.851.798.014
Ông Đỗ Xuân Chiêu	Chuyển nhượng vốn	234.116.658.000	234.116.658.000
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	Chuyển nhượng vốn	30.000.000.000	30.000.000.000
Ông Đỗ Đức Chung	Chuyển nhượng vốn	20.000.000.000	20.000.000.000
Bà Đỗ Diệu Hiền	Chuyển nhượng vốn	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.564.651.589.753</u></b>	<b><u>1.655.968.456.014</u></b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>			
Công ty Thép Việt	Bán hàng	<u>68.137.000.000</u>	-
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Công ty Thép Việt	Mua hàng	<u>39.122.283.601</u>	<u>39.265.774.132</u>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>			
Công ty Thép Việt	Hỗ trợ vốn	26.000.000.000	-
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Mượn tiền	5.650.000.000	6.450.000.000
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Cổ tức	2.200.109.919	2.548.383.419
Ông Đỗ Văn Phúc	Cổ tức	<u>2.290.750.000</u>	<u>2.290.750.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>36.140.859.919</u></b>	<b><u>11.289.133.419</u></b>
<b><i>Vay dài hạn</i></b>			
Công ty Thép Việt (*)	Vay	<u>127.000.000.000</u>	<u>127.000.000.000</u>

(\*) Đây là khoản vay tín chấp có thời hạn ba mươi sáu (36) tháng, đáo hạn ngày 22 tháng 6 năm 2025 với lãi suất vay 5%/ năm để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT	290.718.097	336.703.365
Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên HĐQT	264.834.780	252.530.052
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Phó Giám đốc Chi nhánh POM 3	243.317.766	239.279.168
Ông Đỗ Duy Thái	Chủ tịch HĐQT	164.808.000	-
Bà Đỗ Hoàn Mỹ	Phó Giám đốc Chi nhánh POM 3	146.586.756	-
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Tổng Giám đốc Chi nhánh POM 1	123.191.535	138.082.560
Bà Nguyễn Thanh Lan	Phó Giám đốc Chi nhánh POM 1	119.621.317	-
Ông Trương Thành Công	Phó Giám đốc Chi nhánh POM 3	37.223.180	223.339.080
Ông Bùi Quang Thuận	Phó Giám đốc Công ty Tôn Pomina	-	303.142.854
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.390.301.431</b>	<b>1.493.077.079</b>

(\*) bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

**28. CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết thuê hoạt động**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	25.163.776.556	24.842.786.156
Trên 1 đến 5 năm	100.655.106.225	99.371.144.625
Trên 5 năm	513.361.797.908	534.678.779.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>639.180.680.689</b>	<b>658.892.710.744</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

***Nợ tiềm tàng***

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2023, Nhóm Công ty đã nhận được Thông báo số 17/2023/TB-TLVU của Tòa án nhân dân Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thụ lý vụ án liên quan tới tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ. Trong thông báo này, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam là nguyên đơn yêu cầu Nhóm Công ty bồi thường về việc thanh toán tiền điện còn nợ bao gồm nợ gốc, lãi chậm trả và tiền phạt hợp đồng với tổng giá trị là 28.183.006.316 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản nợ liên quan đến vụ án này trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do kết quả sau cùng của vụ kiện chưa được xác định.

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Nhóm Công ty đã thông qua Nghị quyết số 17/NQ-ĐHCD/2023 về kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ với tổng giá trị dự kiến là 701.753.430.000 VND cho nhà đầu tư chiến lược.

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Nhóm Công ty đã thông qua Nghị quyết số 20/NQ-ĐHCD/2023 về việc sửa đổi bổ sung kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Theo đó, kế hoạch này dự kiến sẽ được thực hiện từ Quý 3 năm 2023 đến hết năm 2024 với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

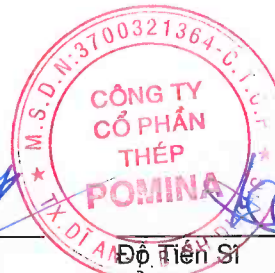


Nguyễn Thị Phương Mai  
Người lập




Nguyễn Nhật Trường  
Kế toán trưởng

Đỗ Tiến Sĩ  
Tổng Giám đốc



Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 13 tháng 10 năm 2023